

Bản án số: 139 /2022/HS-PT

Ngày: 07 - 7 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình;**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Võ Ngọc Giàu.**

2. Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Hồng Chi** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiến Phi** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 50/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Võ Anh T và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Võ Anh T và đồng phạm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ **Võ Anh T**, sinh ngày 13 tháng 03 năm 2003, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp 5, xã BX, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cắt tóc; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông La Thanh X, sinh năm 1975 và bà Võ Thị Y, sinh năm 1979; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2/ **Phạm Hồng Đ** (Tên gọi khác: Rền), sinh ngày 12 tháng 02 năm 2002, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp NC, xã BĐ, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Phạm Văn X1, sinh năm 1955 và bà Liễu Thị Hồng Y1, sinh năm 1966; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần, tại Quyết định số 09/QĐ-XPHC ngày 12/4/2020 của Ủy ban nhân dân xã BX, thị xã G, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2020. Có mặt tại phiên tòa.

3/ **Đào Thanh P**, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2005, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp TĐ, xã BĐ, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê;

Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Trương Viết X2, sinh năm 1976 và bà Đào Thị Kim L1, sinh năm 1977; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho bị cáo: Bà Đào Thị Kim L1, sinh năm 1977; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TĐ, xã BĐ, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Xuân H – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

4/ **Ngô Văn Đ1** (Tên gọi khác: Nhí), sinh ngày 02 tháng 5 năm 2004, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp 5, xã TT, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Ngô Văn X3, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị Y3, sinh năm 1981; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho bị cáo: Ông Ngô Văn X3, sinh năm 1980; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 5, xã TT, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Bảo Hoàng G1 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

5/ **Đỗ Văn T1**, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2001, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp ÔN, xã TT1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Đỗ Văn X4, sinh năm 1968 và bà Trần Thanh Y4, sinh năm 1974; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/3/2021. Có mặt tại phiên tòa.

6/ **Tổng Văn B** (Tên gọi khác: Trắng), sinh ngày 05 tháng 4 năm 2003, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp 7, xã BX, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Tổng Văn X5, sinh năm 1978 và bà Cao Thị Y5, sinh năm 1981; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

7/ **Nguyễn Văn H** (Tên gọi khác: Bọt), sinh ngày 26 tháng 5 năm 2000, tại huyện GCD, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp 6, xã TT, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông Hồ Quốc X6, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Y6, sinh năm 1974; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

8/ **Ngô Chí C** (Tên gọi khác: Tư Đủ), sinh ngày 25 tháng 6 năm 1999, tại huyện GCD, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp 6, xã TT, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Ngô Văn X7, sinh

năm 1966 và bà Võ Thị Y7, sinh năm 1968; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

9/ **Nguyễn Ngọc T3** (Tên gọi khác: Bi), sinh ngày 19 tháng 4 năm 2004, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp TĐ, xã BĐ, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Ngọc X8, sinh năm 1981 (Chết) và bà Trần Thị N1, sinh năm 1985; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho bị cáo: Chị Trần Thị N1, sinh năm 1985; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TĐ, xã BĐ, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Thanh Đ1 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

10/ **Nguyễn Phú H1**, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2001, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp 5, xã BX, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Phú X9, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Y9, sinh năm 1972; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Anh T11 - VPLS Cao Minh Triết, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

11/ **Nguyễn Nhật H2**, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2003, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp 5, xã BX, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn X10 (chết) và bà Lê Thị Y10, sinh năm 1970; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, bản án còn có 03 bị cáo, 03 bị hại và 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo. Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 10 tháng 4 năm 2020, bị cáo Trần Hoài P điều khiển xe mô tô hai bánh đi đến nhà bị cáo Nguyễn Phú H1 để tổ chức uống rượu. Khi đến nơi, bị cáo P gặp bị cáo H1 và chị Trần Thị Quyền T7. Một lúc sau, có bị cáo Võ Anh T, bị cáo Đỗ Văn T1, bị cáo Nguyễn Nhật H2, anh Trương Minh T2, Trương Minh T6, chị Trần Thị Như B1, chị Trần Thị Cẩm H3 và hai người tên T5, T8 (ngụ ấp Cộng Lạc, xã BĐ, thị xã G, tỉnh Tiền Giang), cả nhóm tổ chức uống rượu, được một lúc thì T5, T8 đi về.

Đến khoảng 20 giờ (cùng ngày), anh Nguyễn Minh T4 điện thoại cho anh T2 nói: “Hôm nay sinh nhật của T2” và rủ về nhà uống rượu. Sau đó, anh T2 đi về nhà ông Trần Văn N, uống rượu cùng với anh T4, anh Nguyễn Thanh S, anh Võ Minh H4, anh Trần Vũ K, anh Nguyễn Dương Hoàng L và anh Nguyễn Tấn T9. Đến khoảng 22 giờ (cùng ngày), anh T2 điện thoại cho bị cáo H1 và rủ cả nhóm ở nhà bị cáo H1 lên nhà anh T4 uống rượu chung. Sau đó, nhóm bị cáo H1 lên và uống rượu cùng nhóm anh T4, đến khoảng 23 giờ, chị T7 và chị B1 đi về. Khoảng 10 phút sau, Trương Minh T6 và bị cáo T1 chở chiếc loa đi về, chạy được một đoạn thì xe hết xăng nên bị cáo T1 điện thoại kêu bị cáo H1 đi mua xăng dùm. Lúc này, bị cáo P, bị cáo T, bị cáo H1, bị cáo H2 và chị H3 đi về nhưng khi ra đến trước cổng nhà thì chị H3 nói “Em bị giấu điện thoại rồi”, lúc này bị cáo P kêu chị H3 đi vào nhà lấy điện thoại thì anh S mới nói ra “Về thì về đi”, sau đó giữa anh S và bị cáo P xảy ra cãi nhau và mọi người can ngăn và nhóm của bị cáo H1 ra về chỉ còn chị H3 ở lại uống rượu cùng nhóm anh T4.

Nhóm bị cáo H1 đi về và gặp Trương Minh T6, bị cáo T1. Bị cáo T mới nói về việc cãi nhau giữa bị cáo P và anh S. Bị cáo T kêu bị cáo T1 nhờ người giúp và bị cáo T1 liên hệ nhưng không được. Sau đó, bị T điện thoại nhờ và mượn được hung khí của bị cáo Phạm Hồng Đ. Lúc này, bị cáo Đ đang điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B6-378.74 chở bị cáo Ngô Văn Đ1, bị cáo Trần Sang T5 điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B7-368.51 chở bị cáo Đào Thanh P, bị cáo Tống Văn B điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B6-374.13 chở bị cáo Nguyễn Ngọc T3, bị cáo Ngô Chí C điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B7-423.10 chở bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Nguyễn Hoàng D điều khiển xe mô tô hai bánh chưa rõ biển số chạy một mình và anh Bùi Huỳnh Thanh T10 điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B7-409.58 chở vợ là chị Nguyễn Thị Mỹ D1, đang đi chơi trên Quốc lộ 50 đoạn gần ngã ba BĐ.

Khi đến ngã ba Bình Đông, bị cáo Đ kêu bị cáo B và bị cáo T3 về nhà bị cáo Đ lấy hung khí. Sau đó, bị cáo B chở bị cáo T3 về nhà bị cáo Đ gặp chị Phạm Thị Hồng G mở cửa và bị cáo B đi vào phòng bị cáo Đ lấy hung khí. Trong lúc đó, bị cáo T chở Trương Minh T6 chạy đến chỗ nhóm bị cáo Đ và hai bên nói chuyện. Lúc này, bị cáo T1 chở bị cáo P, bị cáo H2 chở bị cáo H1 cũng chạy đến và cùng nói chuyện với nhóm bị cáo Đ.

Khoảng 05 phút sau, bị cáo B chở bị cáo T3 cầm hai cây hung khí chạy đến, bị cáo T lại lấy hai cây hung khí từ bị cáo T3 và đưa một cây hung khí cho bị cáo Đ, một cây hung khí cho bị cáo T5. Sau khi đưa hung khí xong, Trương Minh T6 điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B6-383.44 chở bị cáo T, bị cáo T1 điều khiển xe mô tô hai bánh chưa rõ biển số của Trương Minh T6 chở bị cáo P chạy trước dẫn đường, bị cáo Đ1 chở bị cáo Đ cầm một con dao tự chế, bị cáo P chở bị cáo T5 cầm một con dao tự chế, bị cáo Tống Văn B chở bị cáo T3, bị cáo D chở bị cáo C, bị cáo H2 điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63K5-9007 chở bị cáo H1, cùng chạy trước và vợ chồng anh Bùi Huỳnh Thanh T10 chạy theo sau, tất cả cùng đi về hướng đến nhà của anh T4. Trên

đường đi, bị cáo Đ đưa con dao tự chế cho bị cáo Đ1 cầm và bị cáo Đ chở bị cáo Đ1 đi đến địa điểm. Khi gần tới nơi, bị cáo P dẫn vào nhằm đường nên đi ra và bị cáo T chỉ đi vào đúng đường vào nhà anh T4. Lúc này, bị cáo T3 đứng ở ngoài đầu đường không đi vào, bị cáo Đ thì đi vào tới cầu và đi ra gặp vợ chồng anh Bùi Huỳnh Thanh T10 chạy đến nên kêu vợ chồng anh Bùi Huỳnh Thanh T10 đi về. Còn tất cả đi vào nhà anh T4, lúc đó, bị cáo Đ1 và bị cáo T5 cầm hung khí. Vào tới nhà, nhóm trong nhà anh T4 đang ngồi uống rượu, lúc này, bị cáo Đ1 dùng hung khí chém trúng lưng của anh T4 một cái gây thương tích, bị cáo T5 dùng hung khí chém anh T2 một cái nhưng thương tích không đáng kể. Khi bị chém, anh T4 bỏ chạy ra phía sau thì bị cáo Đ1 cầm hung khí rượt theo, nhưng anh T4 chạy qua hàng rào, bị cáo Đ1 cầm hung khí chém nhưng bị vướng tay vào hàng rào chảy máu nên đi ra phía trước nhà.

Đồng thời, lúc mọi người tại nhà anh T4 thấy nhóm bị cáo T đi vào nên chạy tán loạn, anh H4 bỏ chạy ra phía sau nhà thì bị cáo T5 cầm hung khí đuổi theo, anh H4 nhảy xuống ao sau nhà thì bị cáo T5 nhảy theo và dùng hung khí chém anh H4 hai cái gây thương tích ở lưng. Lúc này, chị H3, bị cáo P và bị cáo B cũng có ra phía sau nhà. Bị cáo P cầm chai bia chọi trúng vào cung mày mắt bên trái của anh H4. Khi đó, bị cáo B nói “Bỏ đi anh” thì bị cáo T5 không chém anh H4 nữa và cầm hung khí đi lên phía trước nhà. Sau đó, bị cáo B đi vào nhà và trên tay có cầm chai bia chọi vào mé tường, bị cáo P đi ra phía trước.

Sau khi bị thương, bị cáo Đ1 cầm hung khí đi ra phía trước nhà thì thấy bị cáo D đang cãi nhau với anh T2 nên bị cáo Đ1 đưa hung khí cho bị cáo D chém một cái trúng chân của anh T2 gây thương tích.

Trong lúc đánh nhau, bị cáo T1 có lấy hai chai bia ném vào trong cửa sổ nhà ông Nhỏ làm vỡ kính cửa sổ.

Sau khi gây thương tích xong, bị cáo T5 cầm hung khí đi ra đưa cho bị cáo P, bị cáo D cầm hung khí đưa cho bị cáo Đ1. Sau đó, nhóm bị cáo T và nhóm bị cáo Đ đi ra về. Trên đường đi về, bị cáo T5 chở bị cáo P cầm hung khí nên bị cáo P có đưa hung khí cho bị cáo C đang ngồi trên xe do bị cáo H chở, để cầm giữ. Trên đường đi, bị cáo C đem hung khí đưa cho bị cáo D cầm và cất giấu dưới cống trên đường ấp GX, xã TT1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Khi đến ngã ba BĐ, bị cáo P xuống xe cho bị cáo B chở và bị cáo T3 đi về nhà. Bị cáo Đ chở bị cáo Đ1 cầm hung khí đi về nhà bị cáo Đ cất giữ phía sau chuồng bò. Bị cáo H2 chở bị cáo T, bị cáo H1 chở Trương Minh T6, bị cáo P chở bị cáo T1. Tất cả cùng về nhà bị cáo H2. Khi đến nhà bị cáo H2, bị cáo T1 đi về, còn tất cả ở lại nhà bị cáo H2 ngủ.

Ngày 11 tháng 4 năm 2021, Công an mời bị cáo Đ lên làm việc và khai chỗ cất hung khí nên Công an xuống nhà thu giữ hung khí tại nhà bị cáo Đ. Công an mời bị cáo C làm việc thì bị cáo D chỉ chỗ cất giấu và bị cáo C dẫn Công an tới cống thu giữ hung khí.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, bị hại Nguyễn Minh T4 đã viết đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với người gây thương tích cho mình. Ngày 20/4/2020, bị hại Võ

Minh H4 đã viết đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với người gây thương tích cho mình. Ngày 16 tháng 4 năm 2020, bị hại Trương Minh T2 đã viết đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với người gây thương tích cho mình.

* Giấy chứng nhận thương tích số 409/CN-BVCR ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh thì thương tích của anh Võ Minh H4 như sau:

- Lâm sàng:
 - + Bệnh tình, niêm hồng.
 - + Vùng đầu, mặt: Vết thương trán – cung mày khoảng 05cm.
 - + Vết thương lưng, bụng: Vết thương vùng hông lưng kéo dài từ mào chậu đến thành ngực bên phải khoảng 20cm.
 - + Tay trái: Vết thương mặt sau trong 1/3 giữa cẳng tay trái kích thước khoảng 04 x 06cm.
- Cận lâm sàng: X-quang ngực thẳng + xương cẳng tay trái: Tràn khí màng phổi phải, gãy xương đòn trái. Chưa ghi nhận hình ảnh tổn thương gãy xương cẳng tay trái trên phim.

* Giấy chứng nhận thương tích số 23/CN ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Trung tâm Y tế huyện Cần Đức, tỉnh Long An thì thương tích của anh Nguyễn Minh T4 như sau: Vết thương vùng lưng trái ngay đầu dưới xương bả vai có vết thương dài 15cm, sâu 02cm, không thấy khí ra vết thương, chảy nhiều máu.

* Giấy chứng nhận thương tích số 499/CN ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình thành phố Hồ Chí Minh thì thương tích của anh Trương Minh T2 như sau: Vết thương thấu khớp vùng khoeo (T) đứt thần kinh chày, thần kinh mác chung, rách tĩnh mạch khoeo, đứt cơ bụng chân ngoài.

* Kết luận giám định pháp y về thương tích số 201/2020/TgT ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Tiền Giang xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Võ Minh H4 là: 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) và nạn nhân Nguyễn Minh T4 là 03% (Ba phần trăm).

* Kết luận giám định pháp y về thương tích số 205/2020/TgT ngày 12 tháng 5/ năm 2020 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Tiền Giang xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Minh T4 là: 33% (Ba mươi ba phần trăm).

* Kết luận định giá số 01/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã G xác định: 01 (Một) tấm kính cửa sổ kích thước 1.2 mét x 0.55 mét, dày 0.4 mét. Trị giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng).

Tại bản án số: 02/2022/HSST, ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Anh T, Phạm Hồng Đ, Ngô Văn Đàng, Đào Thanh P, Đỗ Văn T1, Tống Văn B, Ngô Chí C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Phú H1 và Nguyễn Nhật H2 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Khoản 1 Điều 101; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Anh T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng Đ 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 6 năm 2020.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Khoản 2 Điều 101; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Đ1 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đào Thanh P 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T3 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Khoản 1 Điều 101; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tống Văn B 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật H2 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 3 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Ngô Chí C 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú H1 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với 03 bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16/01/2022 bị cáo Võ Anh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Ngày 27/01/2022 bị cáo Phạm Hồng Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 26/01/2022 bị cáo Ngô Văn Đ1 và ngày 13/01/2022 người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Ngày 13/01/2022 bà Đào Thị Kim L1 là Người đại diện hợp pháp Đào Thanh P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

- Ngày 17/01/2022 bị cáo Đỗ Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 14/01/2022 bị cáo Tống Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

- Ngày 18/01/2022 bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 18/01/2022 bị cáo Ngô Chí C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 18/01/2022 bà Trần Thị N1 là người đại diện hợp pháp Nguyễn Ngọc T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 18/01/2022 bị cáo Nguyễn Phú H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 26/01/2022 bị cáo Nguyễn Nhật H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo là hợp lệ nên đề nghị chấp nhận xem xét. Về nội dung kháng cáo : Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định xử phạt các bị cáo với mức hình phạt như án sơ thẩm là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có bổ sung thêm được tình tiết giảm nhẹ mới và các bị cáo phạm tội gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị giữ nguyên bản án số: 02/2022/HSST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn Đ1: Gia đình bị cáo Đ1 đã khắc phục 10.000.000 đồng, sau khi xét xử sơ thẩm xong thì các bị cáo có khắc phục thêm, xin áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự chứ không phải khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như sơ thẩm nhận định. Xin cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phú H1: Viện kiểm sát truy tố bị cáo đúng người đúng tội, nhưng không đồng ý với ý kiến là đơn xin giảm nhẹ của bị hại không có xác nhận của chính quyền địa phương xem là không có tình tiết mới để xem xét cho bị cáo H1. Bị cáo H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo xin hưởng án treo; Vì trong vụ án này, bị cáo T tự lấy xe của bị cáo H1 đi mua xăng nên không có việc bị cáo H1 giao xe, không hề có việc bàn bạc, do không có xe nên phải đi với một bị cáo khác, khi đi thì chạy sau cùng, bị cáo H1 cũng không hề biết các bị cáo khác bàn bạc làm gì. Khi đến nơi thì đứng ngoài đầu hẻm đứng xa nửa cây số, người đi chung là T6 cũng không phạm tội. Cá thể hóa các cá nhân phạm tội, bị cáo H1 là đồng phạm nhưng không đáng kể, mức độ tham gia rất mờ nhạt nên rất mong xem xét tính chất mức độ tham gia của bị cáo H1. Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là không chính xác, không làm rõ tại phiên tòa. Bị cáo H1 có nhiều giấy khen và huân chương trong thể thao, xin áp dụng tình tiết người có nhiều thành tích trong lao động, học tập cho bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo H1 là sinh viên nên phán quyết của Tòa sẽ ảnh hưởng đến tương lai của bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đào Thanh P: Không tranh luận tội danh, chỉ tranh luận về mức hình phạt. Vì bị cáo P đã liên đới với các bị cáo khác bồi thường cho bị hại, cấp sơ thẩm phải ghi nhận tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo P là điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự chứ không phải khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng hình phạt còn quá nghiêm khắc. Sơ thẩm nhận định bị cáo có hành vi côn đồ nhưng theo giải đáp của Tòa án nhân dân tối cao thì đối với các vụ án có đồng phạm phải xem xét tính chất hành vi của các bị cáo để đánh giá, trong vụ án này, các bị cáo chưa thành niên thụ động đi theo, bị xúi giục không có tính côn đồ, chỉ ném chai bia một lần không có sự chuẩn bị trước. Xin cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T3: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T3 04 (Bốn) năm tù là quá nặng, vì bị cáo chỉ có vai trò thứ yếu, bị cáo thực hiện hành vi vụ án này một cách bị động, chỉ ngồi ngoài xe. Căn cứ Giải đáp 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao xin áp dụng cho bị cáo tình tiết phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng. Tình tiết bồi thường thiệt hại cho bị hại, cấp sơ thẩm có ghi nhận tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa chính xác, đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đ, T5 là những người thực hiện, xác định bị cáo là người chưa thành niên quyết định mức hình phạt nhưng không đánh giá vai trò của từng bị cáo, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Anh T, Phạm Hồng Đ, Ngô Văn Đàng, Đào Thanh P, Đỗ Văn T1, Tống Văn B, Ngô Chí C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Phú H1 và Nguyễn Nhật H2 khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện:

Khoảng 22 giờ ngày 10/4/2020, trong lúc nhậu tại nhà của anh Nguyễn Minh T4 (Hộ ông Trần Văn Nhỏ), giữa nhóm bị cáo P và nhóm bạn anh Nguyễn Thanh S xảy ra mâu thuẫn với nhau. Sau đó các bị cáo bỏ về. Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, các bị cáo Võ Anh T, Trần Hoài P, Trần Sang T5, Nguyễn Hoàng D, Ngô Văn Đ1, Phạm Hồng Đ, Nguyễn Ngọc T3, Tống Văn B, Nguyễn Phú H1, Đỗ Văn T1, Đào Thanh P, Ngô Chí C, Nguyễn Văn H và Nguyễn Nhật H2, Trương Minh T6 quay trở lại tìm nhóm anh Nguyễn Thanh S để giải quyết mâu thuẫn. Bị cáo Đ1 trực tiếp dùng 01 dao tự chế bằng kim loại màu đen, chiều dài 77 cm, lưỡi dài 56 cm gây thương tích cho anh Nguyễn Minh T4 với tỷ lệ thương tật là 03%. Bị cáo T5 trực tiếp dùng 01 dao tự chế có chiều dài 93cm, lưỡi bằng kim loại màu đen có chiều dài 57cm, lưỡi rộng 2,5cm, cán bằng gỗ gây thương tích cho anh Võ Minh H4 với tỷ lệ thương tật là 64%. Bị cáo P dùng chai bia ném trúng cung mày mắt trái anh H4 gây thương tích 01%, tổng tỷ lệ thương tích của anh Võ Minh H4 là 65%. Bị cáo D trực tiếp dùng 01 dao tự chế bằng kim loại màu đen, chiều dài 77 cm, lưỡi dài 56 cm gây thương tích cho anh Trương Minh T2 với tỷ lệ thương tật là 33%. Do đó cấp sơ thẩm kết luận các bị cáo Võ Anh T, Trần Hoài P, Phạm Hồng Đ, Trần Sang T5, Nguyễn Hoàng D, Ngô Văn Đ1, Đào Thanh P, Đỗ Văn T1, Tống Văn B, Ngô Chí C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Phú H1 và Nguyễn Nhật H2 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo mang tính côn đồ, không những đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ tính mạng và sức khỏe của người khác, mà còn gây mất trật tự ở địa phương, tạo dư luận bức xúc trong xã hội. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Do vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm cho xã hội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân xử phạt các bị cáo với mức như trên là

đúng với hành vi của từng bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo cho rằng đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại và bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng các tình tiết này cấp sơ thẩm đã có xem xét nên không phải tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên các bị cáo có bồi thường cho bị hại nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa đúng, trong trường hợp này phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mới đúng nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp. Hành vi của các bị cáo mang tính côn đồ, gây mất trật tự ở địa phương, tạo dư luận bức xúc trong xã hội, phạm tội mang tính chất băng nhóm xã hội nên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Xét lời của người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn Đ1, Nguyễn Phú H1 và Đào Thanh P là có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Vì các lẽ trên;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Võ Anh T, Phạm Hồng Đ, Ngô Văn Đ1, Đào Thanh P, Đỗ Văn T1, Tống Văn B, Ngô Chí C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Phú H1, Nguyễn Nhật H2, Người đại diện hợp pháp Nguyễn Ngọc T3, Người đại diện hợp pháp Đào Thanh P, Người đại diện hợp pháp Ngô Văn Đ1.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 02 /2022/HSST, ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Anh T, Phạm Hồng Đ, Ngô Văn Đ1, Đào Thanh P, Đỗ Văn T1, Tống Văn B, Ngô Chí C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Phú H1 và Nguyễn Nhật H2 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Khoản 1 Điều 101; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Anh T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng Đ 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 6 năm 2020.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Khoản 2 Điều 101; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Đ1 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đào Thanh P 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T3 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Khoản 1 Điều 101; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tống Văn B 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật H2 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 3 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Ngô Chí C 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú H1 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Án phí: Các bị cáo phải chịu mỗi người 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thị xã G;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- VKSND thị xã G;
- Công an thị xã G;
- THADS thị xã G;
- Bị cáo; Người giám hộ cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Thanh Bình